

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 130/2020/HS-PT

Ngày 28 – 5 – 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**H DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- *B phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Y Thông Kbuôr và ông Nguyễn Duy Thuần.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Trang - Thư ký Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*
Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 103/2020/HSPT ngày 16/4/2020 với bị cáo Nguyễn Văn N, về tội “Cố ý gây thương tích”.

Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HSST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

*** *Bị cáo:*** Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/12/1966 tại huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: 218/68/15 đường X, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Thợ may; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1933 và bà Tiêu Thị M (đã chết); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo có vợ: Trần Thị Kim L, sinh năm 1968 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 1998; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- *Bị hại:*

+ Anh Võ H, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (*Có mặt*).

+ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (*Có mặt*).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Phạm Thị T: Luật sư Đoàn Quang H - Văn phòng luật sư THT thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

*** Người kháng cáo:** Bị hại bà Phạm Thị T và anh Võ H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 10 phút ngày 16/3/2019, khi ông Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn B, Nguyễn Đức C (là cháu ông A) cùng Trịnh Thị L, H Niê, T Niê và 03 người đồng bào dân tộc Êđê khác không rõ lai lịch đang hái tiêu tại rẫy của ông A thuộc thôn N, xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (rẫy này đã được Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chia cho ông A sau khi ly hôn bà Phạm Thị T) thì bà Phạm Thị T (là vợ ông A đã ly hôn) và Nguyễn Văn H (là con trai của bà T và ông A) đến ngăn cản không cho mọi người hái tiêu. H cầm 01 dao rựa dài khoảng 80cm gõ vào thang chị H Niê và chị T Niê đang đứng hái tiêu rồi đe dọa không cho hai chị hái tiêu nên chị H Niê và chị Trần Niê và 03 người đồng bào dân tộc Êđê sợ bỏ đi xuống cuối vườn đứng. Còn bà T tiếp tục đuổi những người hái tiêu thuê không cho hái tiêu và cãi nhau với B, đồng thời gọi điện cho Võ H (là cháu bà T) đến. Còn C cũng gọi điện cho Nguyễn Văn D và B gọi điện cho Nguyễn Văn N (là anh trai ông A) xuống để giải quyết sự việc. Khi D xuống thì xảy ra cãi nhau với bà T và anh H. Anh H xuống đến nơi thấy vậy liền dùng điện thoại quay phim cảnh hai bên xô xát nhau. N thấy bà T đang gom bạt, đồ tiêu đã hái được xuống đất nên nhặt 01 đoạn gỗ bằng cây cà phê dài khoảng 70cm, đường kính khoảng 02cm ở vườn rồi chạy đến đánh trúng vai trái của bà T 01 cái và đánh trúng tay trái của bà T 02 cái. Thấy bà T bị đánh, H chạy đến đánh N thì bị N dùng đoạn cây cà phê đánh 02 phát trúng tay trái và tay phải của H, H bỏ chạy. Lúc này, ông D cầm gậy đuổi cả bà T, H, H bỏ chạy ra khỏi rẫy tiêu.

- Vật chứng tạm giữ: 01 cây gỗ dài 70cm, đường kính 02 cm; 01 đĩa VCD.

* Tại bản kết luận pháp y thương tích số 437/PY-TgT ngày 28/3/2019 của A tâm giám định pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Bà Phạm Thị T bị chấn thương phần mềm cánh tay phải với tỷ lệ thương tích là 02% (hai phần trăm). Vật tác động: Cứng, tày.

* Tại bản kết luận pháp y thương tích số 438/PY-TgT ngày 28/3/2019 của A tâm giám định pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Anh Võ H bị chấn thương phần mềm cẳng tay hai bên với tỷ lệ thương tích là 02% (hai phần trăm). Vật tác động: Cứng, tày.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2020/HSST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 585 và Điều 590 BLDS:

+ Bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho bà Phạm Thị T là 7.954.000 đồng do sức khỏe bị xâm phạm, được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng bị cáo N đã nộp bồi thường cho bà T theo biên lai thu tiền số AA/2013/15970 ngày 07/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E. Bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường tiếp cho bà Phạm Thị T 5.954.000 đồng. Bớt đối với số tiền yêu cầu bồi thường 78.820.000 đồng của bà Phạm Thị T.

+ Bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho anh Võ H do sức khỏe bị xâm phạm 7.198.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng bị cáo N đã nộp bồi thường cho anh Võ H theo biên lai thu tiền số AA/2013/15970 ngày 07/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E. Bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường tiếp cho anh H 6.198.000 đồng. Bớt đối với số tiền yêu cầu bồi thường 18.770.000 đồng của anh Võ H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/3/2020, bị hại anh Võ H và bà Phạm Thị T kháng cáo toàn bộ bản án, không đồng ý với mức hình phạt và phần trách nhiệm dân sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các quy định của pháp luật và tuyên mức hình phạt, mức bồi thường thiệt hại là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại, mà giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt và về mức bồi thường.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị hại, trình bày ý kiến tranh luận và cho rằng bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, điều tra xác minh chưa đầy đủ, bỏ lọt đồng phạm là ông Nguyễn Văn D. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại.

Người bị hại bà Phạm Thị Thủy đồng ý với ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho mình và không bổ sung ý kiến gì thêm.

Người bị hại anh Võ H trình bày ý kiến tranh luận và đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại và hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên hình phạt và mức bồi thường mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện viện kiểm sát đối đáp tranh luận với người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị hại và vẫn giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát mâu thuẫn trong việc vợ cũ của em trai bị cáo (bà Phạm Thị T) vào rẫy hái tiêu, dẫn đến hai bên xảy ra cãi vã, xô xát và bị cáo Nguyễn Văn N đã có hành vi nhặt cây gậy ở rẫy làm hung khí, đánh trúng vào vai phải và tay trái của bà T gây tổn thương cơ thể 02% sức khỏe, sau đó đánh trúng vào tay trái và tay phải của anh H gây tổn thương cơ thể cho anh H 02% sức khỏe. Vì vậy, bà T, anh H đã làm đơn yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu B tội “Cố ý gây thương tích”. Do đó, việc Tòa án H dân huyện Ea Kar xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Đây là vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội do bức xúc, bộc phát tức thời, không có sự bàn bạc, chuẩn bị từ trước. Việc bị hại cho rằng có đồng phạm là ông Nguyễn Văn D cùng tham gia với bị cáo Nguyễn Văn N để đánh bị hại. Tuy nhiên, quá trình điều tra không có căn cứ để chứng minh ông D thực hiện hành phạm tội cùng bị cáo. Mặt khác Cơ quan điều tra cũng đã tách nội dung này ra để tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có hành vi phạm một tội khác thì sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Nên kháng cáo của bị hại cho rằng cấp sơ thẩm đã bỏ lọt đồng phạm là không có cơ sở để chấp nhận. Xét mức hình phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà bị cáo thực hiện. Bởi lẽ, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng; hành vi phạm tội của bị cáo cũng có một phần lỗi của người bị hại, đồng thời bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo phải bồi thường các khoản chi phí điều trị và chi phí hợp lý là có căn cứ. Việc bị hại cho rằng mức bồi thường mà Tòa án cấp sơ thẩm là thấp và yêu cầu tăng mức bồi thường, là không có cơ sở. Bởi vì, ngoài những hóa đơn, chứng từ bị hại cung cấp có trong hồ sơ, thì sau khi kháng cáo, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị hại không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ.

Từ phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị hại là không có cơ sở để chấp nhận, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt và mức bồi thường là phù hợp.

Tuy nhiên tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Võ H do sức khỏe bị xâm phạm 7.198.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 mà bị cáo đã nộp, nên tiếp tục buộc bị cáo phải bồi thường tiếp là 6.198.000 đồng là không đúng, sai sót do tính toán, nên cần sửa lại là bị cáo phải tiếp tục phải bồi thường cho anh Võ H số tiền 5.198.000 đồng thì mới đúng.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do cấp sơ thẩm sai sót trong việc tính toán khấu trừ số tiền bồi thường cho bị hại, nên cần sửa lại cho đúng.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Phạm Thị T và anh Võ H – Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 08/20120/HSST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar về phần hình phạt và mức bồi thường thiệt hại.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân phường B, T, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 585 và Điều 590 BLDS:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho bà Phạm Thị T là 7.954.000 đồng do sức khỏe bị xâm phạm, được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng bị cáo N đã nộp bồi thường cho bà T theo biên lai thu tiền số AA/2013/15970 ngày 07/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar. Bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường tiếp cho bà Phạm Thị T 5.954.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho anh Võ H do sức khỏe bị xâm phạm 7.198.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng bị cáo N đã nộp bồi thường cho anh Võ H theo biên lai thu tiền số AA/2013/15970 ngày 07/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar. Bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường tiếp cho anh H 5.198.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 557.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị hại bà Phạm Thị T và anh Võ H, mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị hại bà Phạm Thị T và ông Võ H mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0006223 và 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí do anh Võ H nộp thay bà Phạm Thị T số AA/2019/0006224 ngày 06/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Công an huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh